TAND HUYỆN TIÊN LỮ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH HƯNG YÊN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2018

"V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LỮ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên Toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Ngà

2. Bà Vũ Thị Toan

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thơm – Thư ký Toà án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa*:**

Ông Nguyễn Mạnh Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018, về tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M – sinh năm 1984 "có mặt"

Địa chỉ: thôn MX, xã MP, huyện TL, tỉnh HY.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu L (tên gọi khác: Lực) – sinh năm 1982 "vắng mặt"; Địa chỉ: thôn AT, xã CC, huyện TL, tỉnh HY

3. Người làm chứng:

Ông Nguyễn Hữu Đ, bà Lê Thị L đều có địa chỉ tại thôn AT xã CC, huyện TL, tỉnh HY; bà Nguyễn Thị T, địa chỉ thôn MX, xã MP, huyện TL, tỉnh HY. (Đều vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu L ở nhà còn gọi là Nguyễn Hữu Lực quen biết nhau do có người giới thiệu, anh chị chỉ tìm hiểu nhau trong

một thời gian ngắn thì tiến tới hôn nhân. Chị và anh Lực có đăng ký kết hôn tại UBND xã CC, huyện TL, tỉnh HY vào ngày 06/10/2008 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Theo chị cuộc sống vợ chồng có thời gian hạnh phúc được 06 tháng thì mâu thuẫn liên tục xảy ra. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau nên không có sự đồng cảm và chia sẻ mọi việc. Bên cạnh đó lý do về việc khó có con cũng là nguyên nhân dẫn đến anh chị không có hạnh phúc. Mâu thuẫn có được đôi bên gia đình hoà giải nhưng không được. Vào đầu năm 2009 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã MP, huyện TL, tỉnh HY sinh sống. Anh chị cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian chị ở nhà bố mẹ đẻ anh L có đến tìm nhưng chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên không về. Đã gần 09 năm nay chị và anh Lực không quan tâm tới nhau, ai lo cuộc sống của người đó. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Lực không còn và để tạo điều kiện cho sự ổn định trong cuộc sống chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lực.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung, công sức, nợ nần: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Hữu L đến Toà án để lấy lời khai và hoà giải đoàn tụ nhưng anh L vẫn vắng mặt. Do đó, Toà án không biết quan điểm, ý kiến của anh về các vấn đề trên.

Trong quá trình thu thập chứng cứ tại địa phương xác định: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Hữu L có đăng ký kết hôn tại UBND xã CC. Anh chị sống hạnh phúc được một vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có bất đồng về quan điểm và lối sống. Anh L hiện đang có Hộ khẩu thường trú tại thôn AT, xã CC, huyện TL theo chủ hộ là ông Nguyễn Hữu Đ, bố đẻ anh L. Bản thân anh L hiện nay đang chung sống cùng với bố mẹ đẻ tại địa phương.

Bố mẹ anh L là ông Nguyễn Hữu Đ và bà Lê Thị L cũng như mẹ đẻ chị M bà Nguyễn Thị Thám đều xác định anh L, chị M có đăng ký kết hôn tại UBND xã CC, huyện TL, tỉnh HY. Sau khi kết hôn vợ chồng anh L ở cùng với bố mẹ chồng tại thôn AT, xã CC, huyện TL, tỉnh HY. Chị M chưa nhập khẩu về theo hộ khẩu nhà chồng. Vợ chồng anh L chỉ sống hạnh phúc được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị M và anh L không hợp nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đầu năm 2009, chị M tự ý về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho tới nay không quan tâm gì tới gia đình chồng cả. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thành. Hai bên gia đình cũng xác định chị M và anh L không có con chung. Ngoài ra ông Đ, bà L còn xác nhận các lần Tòa án gửi thông báo cũng như giấy triệu tập lên để giải quyết

vụ án anh L đều biết vì được ông bà thông báo nhưng anh L có quan điểm là không đến để giải quyết vụ án, tuỳ cho chị M giải quyết một vế. Hiện nay anh L đi làm ăn nhưng vẫn thường xuyên về nhà ở cùng với bố mẹ. Nay trước yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị M đối với anh L quan điểm của gia đình là đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị M.

Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn. Anh L đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan, việc hỏi tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng; bị đơn chấp hành chưa đúng các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh L phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh chị có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được và thường xuyên xảy ra cãi nhau mặc dù mới sống mới nhau trong một thời gian ngắn. Anh chị đã sống ly thân suốt một thời gian dài không ai quan tâm tới ai. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng với anh L không còn và kiên quyết xin ly hôn nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

- Về con chung: Anh chị không có con chung.

- Về tài sản, công sức, nợ nần: Chị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị M khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Hữu L (tên gọi khác: Lực) có nơi cư trú tại xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Tiên Lữ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điển a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Anh L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 05/9/2018 nên Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-HNGĐ ấn

định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 18/9/2018. Anh L đã được Toà án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Toà án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Hữu L có đăng ký kết hôn tại UBND xã CC theo giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 06/10/2008. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian ngắn chung sống hạnh phúc, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có những bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau. Trên thực tế, vợ chồng sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Gia đình hai bên đã động viên, hoà giải nhưng chị M vẫn kiên quyết xin ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhiều lần triệu tập anh L để lấy lời khai và hoà giải cho anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên, anh L cố tình vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện việc anh L không có thiện chí đoàn tụ và xây dựng hạnh phúc gia đình với chị M. Trong khi đó, chị M vẫn kiên quyết giữ quan điểm xin ly hôn với anh L. Hội đồng xét xử xác định anh chị không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tại phiên toà.

[3]. Về con chung và tài sản chung: Anh chị chưa có con chung. Chị M không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Nguyễn Hữu L (tên gọi khác: Lực).

2. Về con chung: Anh chị không có con chung.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này nếu anh L có yêu cầu về tài sản thì sẽ được xem xét bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số HY/2010/004253 ngày 03/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ. Chị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hương

TAND HUYỆN TIÊN LỮ
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 10 phút, ngày 20 tháng 4 năm 2018

Tại: Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên Toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Kế và bà Đoàn Thị Thu.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 17/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình " giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hằng, sinh năm 1985 "có mặt"

HKTT: thôn Hải Yến, xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

Hiện đang ở tại số nhà 28, ngõ 201, đường Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn Dũng, sinh năm 1983 "vắng mặt"

Địa chỉ: thôn Hải Yến, xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

(Có đơn xin xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Hoàng Anh Tuấn, sinh ngày 03/9/2008

- Cháu Hoàng Khánh Linh, sinh ngày 26/7/2014

Người đại diện hợp pháp cho cháu Tuấn và Linh là anh Dũng, chị Hằng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào các các Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- **Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)**

2. Về nội dung:

Xử: Cho chị Phạm Thị Hằng được ly hôn anh Hoàng Văn Dũng.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Anh Tuấn, sinh ngày 03/9/2008 cho anh Dũng tiếp tục nuôi dưỡng, cháu Hoàng Khánh Linh, sinh ngày 26/7/2014 cho chị Phạm Thị Hằng tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh

chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau nhưng được đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

3. Về án phí dân sự và quyền kháng cáo:

Về án phí: Về án phí: Chị Phạm Thị Hằng phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số HY/2010/004192 ngày 26/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ. Chị Hằng đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 40 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**